TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN n** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 95/2022/HNGĐ - ST Ngày: 31-10-2022 V/v: "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 414/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 670/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 923/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/10/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1980

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tam L1, sinh năm 1978
Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp 2, xã Long Thọ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh L1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2022 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tam L1 xây dựng gia đình với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18 tháng 9 năm 2006. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1. Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Về con chung: Chị và anh L1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/02/2006 và cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 11/8/2011. Nếu ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có.

Bị đơn anh Nguyễn Tam L1 không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh L1. Về con chung: giao con chung cho chị L được quyền nuôi dưỡng hai con chung, tạm thời anh L1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Long Thọ nên xác định anh Nguyễn Tam L1 hiện đang cư trú tại tổ 10, ấp 2, xã Long Thọ, huyện N và anh L1 đã Tòa án được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tam L1 và chị Trịnh Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 18/9/2006, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị L xin ly hôn với anh L1 với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 23/8/2022 thể hiện địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh L1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh L1 biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh L1 vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh L1 và chị L đoàn tụ. Qua ý kiến của chị L thể hiện chị L và anh L1 chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền

và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/02/2006 và cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 11/8/2011. Hiện nay cháu Thái và cháu Bình do chị L đang nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T và cháu B có nguyện vọng được sống chung với chị L. Mặt khác, cần đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của cháu Thái, cháu Bình nên Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T và Nguyễn Thái B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" của chị Trịnh Thị L đối với anh Nguyễn Tam L1.

Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tam L1.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/02/2006 và cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 11/8/2011 cho chị Trịnh Thị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời anh Nguyễn Tam L1 không cấp dưỡng con.

Anh Nguyễn Tam L1 được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008148 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Long Thọ, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm